

Tên:

Lớp: S6...

Ngày giao bài: Thứ, ngày/.....

Ngày nộp bài: Thứ, ngày/.....



Ngữ pháp:

Độc:

Mini Test:

GLOBAL ENGLISH 6

UNIT 5: MONEY – GRAMMAR REVISION

A. GRAMMAR REVISION

1. Comparative adverbs

- Ta dùng trạng từ so sánh hơn kết hợp với động từ để **thể hiện sự thay đổi** hoặc **so sánh tính chất của hành động** với nhau.

Loại trạng từ	Định nghĩa	Quy tắc	Cấu trúc
Short Adverbs (Trạng từ ngắn)	Trạng từ có một âm tiết: <i>fast, late, hard, etc.</i>	Thêm “-er” vào cuối (hoặc “-r” nếu kết thúc bằng “-e”)	S1 + V + short adv-er + than + S2 E.g. <i>I study harder than Matt.</i>
Long Adverbs (Trạng từ dài)	Trạng từ có 2 âm tiết trở lên, thường kết thúc bằng “-ly”: <i>sadly, fluently, etc.</i>	Thêm “more” hoặc “less” trước trạng từ	S1 + V + more/less + long adv + than + S2 E.g. <i>Susan runs more slowly than I do.</i>
Special Cases (Trường hợp đặc biệt) <div style="display: flex; justify-content: space-around;"> <div>badly → worse, many/much → more,</div> <div>well → better, little → less,</div> <div>early → earlier far → farther/further</div> </div>			

2. Quantifiers

- Lượng từ là các từ chỉ **số lượng**, chúng được đặt **trước danh từ** để bổ nghĩa cho danh từ. Một số lượng từ trong tiếng Anh đi với danh từ đếm được, số khác lại đi với danh từ không đếm được, và một số lại có thể đi với cả danh từ đếm được và không đếm được.

- Một số lượng từ thường gặp:

Đi với danh từ đếm được	Đi với danh từ không đếm được	Đi với cả danh từ đếm được/ không đếm được
a number of (một vài)	an amount of (một lượng)	a lot of / lots of (nhiều)
many (nhiều)	much (nhiều)	some (một vài)
several (một vài)	a great deal of (nhiều)	any (một vài)
a few / few (một ít/ ít)	a little / little (một ít/ ít)	no (không có)

Lưu ý: “some” thường được dùng trong câu khẳng định, “any” thường được dùng trong câu phủ định và nghi vấn với nghĩa **bất kỳ, bất cứ**.

B. EXTRA VOCABULARY

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1	engine (n)	động cơ	4	petrol (n)	xăng
2	luggage (n)	hành lý	5	electric (adj)	chạy bằng điện / thuộc về điện
3	passenger (n)	hành khách			

***Note:** *n = noun: danh từ; adj = adjective: tính từ.*

*Con học thuộc nghĩa của từ, chính phát âm theo từ điển và chép mỗi từ **1 dòng** vào vở ghi.

C. EXERCISE

GRAMMAR (15 questions)

I. Circle the correct answers.

0. I run _____ than my brother.

A. quick

B. more quickly

C. quicklier

1. We don't have _____ sugar left in the jar.

A. some

B. much

C. a few

2. Jane speaks French _____ than her sister.

A. more fluently

B. fluentlier

C. most fluently

3. He didn't eat _____ food at the party because he wasn't hungry.

A. any

B. some

C. a number of

4. I finished the test _____ than I expected.

A. early

B. more early

C. earlier

5. There were _____ people in the hall waiting for the show.

A. an amount of

B. a number of

C. a little

II. There are 6 mistakes with quantifiers in the passage. Find and correct them. One has been done for you.

There are much museums in my city, and a little of them are free to enter. Last weekend, I visited a great deal of interesting exhibitions with my friends. We tried to explore everything, but we only managed to see a little things because we arrived late. There were much people waiting in line, which made the visit slower. We also wanted to buy souvenirs, but there wasn't many information available about the prices.

0. much → many

1. _____ → _____

2. _____ → _____

3. _____ → _____

4. _____ → _____

5. _____ → _____

III. Complete the sentences so that they have the same meaning as the previous ones. Use COMPARATIVE ADVERBS.

0. Ann speaks French more fluently than James.

→ James speaks French less fluently than Ann.

1. My dad drives more slowly than my mom.

→ My mom _____.

2. She sings more beautifully than her sister.

→ Her sister sings _____.

3. Peter types less quickly than his colleague.

→ Peter's colleague _____.

4. In the past, people worked more carefully than now.

→ Now, people work _____.

5. Emma answers questions more confidently than Joe.

→ Joe answers questions _____.

Lưu ý:

1. Khi làm bài tập có từ mới, các con phải tra từ điển. Sau khi tra từ điển, các con chép mỗi từ mới **1 dòng** để ghi nhớ.
2. Các con gạch chân các từ khoá chính trong bài.

PART 2 Questions 7-13

For each question, choose the correct answer.

	Ruscon	McLauren	Nican
7. Which car is the most expensive to run?	A	B	C
8. Which car would be good for a large family?	A	B	C
9. Which car isn't big enough to carry many shopping bags?	A	B	C
10. Which car is not good for long journeys?	A	B	C
11. Which car stops passengers getting bored?	A	B	C
12. Which car is used for sports events?	A	B	C
13. Which car is the cheapest to buy?	A	B	C

Three Cars

Ruscon, family car



Ruscon has a big engine and this makes it possible to go on long trips. The car has eight seats which includes the driver's seat. There is plenty of room in the back for luggage. The seats in the back have DVD players so the children can watch films during the journey. Each seat has its own screen. This car is very cheap to run but can be a little bit expensive to buy. If you want to buy the car, the bank can lend you the money.

McLauren, sports car



McLauren is very small and can travel very fast. There is only room for two people, the driver and one passenger. There is only room for one small bag in the back of the car. You have to be rich to run this car as it uses a lot of petrol. This car is often used for racing other fast cars. It is very expensive to buy, and banks will not lend you any money to buy it.

Nican, city car



Nican is nice and very small. There are two seats in the front and none in the back. There is no room in the back for luggage but you can put two or three shopping bags behind the front seats. You don't have to spend a lot to buy this car and it's also very cheap to run. The only problem is that it is slow because it has an electric engine. It is only good for short journeys because of the battery. Car parks in the city centre are free for electric cars.